

Số: 01/2022/QĐST-KDTM

Hà Giang, ngày 16 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 157; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh H;
Địa chỉ: Tổ 08, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình T - Phó Giám đốc - Chi nhánh H;

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV T; Địa chỉ: Khu V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S - Chức vụ: Giám đốc

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc S và Bà Đặng Thu T; Cùng địa chỉ: Tổ 46, khu 5, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH MTV T, đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 02/2019-HĐCVTL/NHCT195-TANLONG-5.000TRD ngày 13/12/2019 cho Ngân hàng Công thương - Chi nhánh H số tiền nợ gốc 3.349.555.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/12/2021 là lãi cộng dồn 519.883.838 đồng; nợ lãi phạt

là 160.829.626 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 4.030.268.464 đồng (Bốn tỷ không trăm ba mươi triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi tư đồng).

Thời hạn trả nợ: Trả vào ngày 15/3/2022.

Kể từ ngày 17/12/2021, Công ty TNHH MTV T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc: 3.349.555.000 đ (Ba tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi năm nghìn đồng) cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp Công ty TNHH MTV T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 195024/018/2013/HĐTC ngày 30/9/2013, phụ lục sửa đổi bổ sung HĐTC số 01/2015-HĐTC-SĐ/NHCT195 ngày 11/02/2015 giữa Ngân hàng Công thương chi nhánh H với ông Nguyễn Ngọc S; bà Đặng Thu T và Hợp đồng thế chấp tài sản số 195024/001/2014/HĐTC ngày 13/02/2014 giữa Ngân hàng Công thương chi nhánh H với Công ty TNHH MTV T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí thẩm định, chi phí đo đạc bằng máy và chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH MTV T và Ngân hàng công Thương mỗi bên chịu 7.500.000,đ(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí thẩm định, chi phí đo đạc và chi phí tố tụng khác(Đã thi hành xong). Do Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh H đã nộp tạm ứng chi phí trước là 15.000.000,đ nên Công ty TNHH MTV T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh H số tiền 7.500.000,đ(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

- Công ty TNHH MTV T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.015.134đ (Năm mươi sáu triệu không trăm mười năm nghìn một trăm ba mươi tư đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh H số tiền 53.988.000 (Năm mươi ba triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (Nguyễn Duy K nộp tiền), theo biên lai số 0002552 ngày 21/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7^a, 7^b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSNDTPH;
- TAND tỉnh HG
- C.C THA DSTPH;
- Lưu HS-BP.

THẨM PHÁN

Ma Thị Nghi